TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THẠNH** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-01-2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Nhật Trường**.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Ngô Hoàng Bá**
Ông **Đinh Đắc Tư**
- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Thạch** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông **Lê Tấn Lợi**- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang.
Bị đơn: Ông Trương Phú V, sinh năm 1983.
Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện V, TP . Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày: Bà và ông V tự nguyện cưới và sống cùng nhau như vợ chồng từ năm 2020, đến ngày 20/07/2022 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M. Cả hai có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 20/09/2021. Thời gian đầu cả hai sống chung hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình

không được hoà hoà thuận và hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là vợ chồng không có tiếng nói chung và bà sống ly thân với ông V do không hàn gắng được. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không ai chủ động liên lạc hay hàn gắn tình cảm với nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn bà yêu cầu:

Về hôn nhân: Xin được ly hôn với ông Trương Phú V.

Về con chung: Yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 20/09/2021, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông bảo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp; quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có ý kiến và không có mặt để dự phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến nay là đúng theo quy định pháp luật, đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông V. Về con chung: Giao cháu Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 20/09/2021 cho bà T nuôi dưỡng, ông V không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Ông V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn không có mặt để dự phiên tòa. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà T và ông V theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn với bị đơn ông V nên xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn. Do bị đơn có nơi thường trú tại huyện V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh theo quy định tại các Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Trương Phú V xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022 mới đăng ký kết hôn. Bà T xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và bà sống ly thân với ông V do không hàn gắng được. Vì vậy, nay bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, vợ chồng không thể tiếp tục sống chung nên bà yêu cầu xin ly hôn với ông V. Trong thời gian ly thân ông V cũng không có biện pháp cụ thể nào để hàn gắn quan hệ vợ chồng và cũng không có ý kiến gì để phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Hơn nữa, bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông V.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ án về hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà T và ông V có 01 con chung tên Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 20/09/2021. Bà T xin được tiếp tục nuôi đưỡng cháu Đ, bà không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung. Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của cháu Đ, Hội đồng xét xử giao cháu Đ cho bà T nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét, bà T không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này có yêu cầu sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[4] Về tài sản chung: Bà T xác định không có, ông V chưa yêu cầu nên

Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà T xác định không có, ông V chưa yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét,

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Xét lời phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của người tham gia tố tụng cũng như ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 28, 35, 39; khoản 1, 2 điều 227; khoản 1, 3 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Kim T được ly hôn với ông Trương Phú V.

2. Về con chung. Giao cháu Trương Nguyễn Phúc Đ, sinh ngày 20/09/2021 cho bà Nguyễn Kim T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Trương Phú V không phải cấp dưỡng nuôi con chung do bà T chưa yêu cầu.

Ông Trương Phú V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Bà T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phi theo biên lai thu số 0007199 ngày 21/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ. Vậy bà T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà T và ông V có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thạnh;
- Cơ quan thực hiện việc ĐKKH
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà

Đặng Nhật Trường